

Số: 124/BC-UBND

Tân Cương, ngày 13 tháng 08 năm 2021

## BÁO CÁO

### Kết quả công khai tài chính, tài sản, tình hình đầu tư xây dựng

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 31/12/2016 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Thực hiện Công văn số 239/UBND-TCKH ngày 12/08/2021 của UBND thành phố Thái Nguyên về việc báo cáo kết quả công khai tài chính, tài sản, tình hình đầu tư xây dựng;

UBND xã Tân Cương báo cáo kết quả công khai tài chính, tài sản, tình hình đầu tư xây dựng như sau:

1. Về công khai tài chính, tình hình đầu tư xây dựng:

\* Nội dung công khai 1:

- Số liệu quyết toán năm 2019: Quyết định số /QĐ-UBND ngày 20 /8 /2020 của UBND xã Tân Cương về việc công bố công khai quyết toán ngân sách nhà nước xã Tân Cương năm 2019.

- Số liệu dự toán năm 2020: Quyết định số 04 /QĐ-UBND ngày 11 /01 /2020 của UBND xã Tân Cương về việc công khai dự toán ngân sách Nhà Nước năm 2020 xã Tân Cương.

- Số liệu quyết toán năm 2020: Quyết định số /QĐ-UBND ngày 05/08/2021 của UBND xã Tân Cương về việc công bố công khai quyết toán ngân sách nhà nước xã Tân Cương năm 2020.

\* Nội dung công khai 2: Kết quả thực hiện các kiến nghị của thanh tra, kiểm toán: Đơn vị đã thực hiện kiến nghị của thanh tra, kiểm toán.

\* Hình thức công khai: Niêm yết công khai tại Trụ sở UBND xã Tân Cương.

2. Về công khai mua sắm tài sản công năm 2020:

Năm 2020, UBND xã Tân Cương không thực hiện mua sắm tài sản công.

Trên đây báo cáo kết quả công khai tài chính, tài sản, tình hình đầu tư xây dựng của UBND xã Tân Cương./.

#### Nơi nhận:

- UBND TP Thái Nguyên;
- Phòng Tài chính- Kế hoạch TP;
- TT Đảng ủy xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu VP, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Phạm Tiến Sỹ



**BIÊN BẢN**

**Về việc niêm yết công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2020**

Hôm nay, vào hồi 14h00' ngày 05 tháng 8 năm 2021

Tại Hội trường trụ sở UBND xã Tân Cương, thành phố Thái Nguyên.

UBND xã Tân Cương tiến hành tổ chức niêm yết công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2020 theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách.

**I. Thành phần lập biên bản, gồm**

1. Đ/c Nguyễn Thị Mai Thanh - CT HĐND xã
2. Đ/c Phạm Tiến Sỹ - Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND
3. Đ/c Nguyễn Thị Thùy Linh - P. Chủ tịch UBND - PCT Công đoàn.
4. Đ/c Phạm Đức Tiến - CT Ủy ban MTTQ
5. Đ/c Lê Thị Nhung - Văn phòng thống kê, Thư ký
6. Đ/c Phạm Thị Thu Thủy - CB Tài chính kế toán

**II. Nội dung:**

Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách.

UBND xã Tân Cương thực hiện công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2020.

Thời gian niêm yết công khai bắt đầu từ 14h30' ngày 05/08/2021.

Trong quá trình công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2020 tại bảng tin (sảnh trụ sở làm việc), UBND xã Tân Cương sẽ tiếp nhận những nội dung phản ánh, kiến nghị về số liệu quyết toán ngân sách năm 2020 của các ban ngành đoàn thể, các tổ dân phố.

Biên bản lập xong hồi 14h45' cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**



**NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN**

*Nguyễn Thị Mai Thanh*  
*Lê Thị Nhung*

**TM. ỦY BAN MTTQ**



**UBMTTQ XÃ TÂN CƯƠNG  
CHỦ TỊCH  
Phạm Đức Tiến**

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**



**TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN**

*Phạm Tiến Sỹ*  
*Phạm Thị Thu Thủy*



**BIÊN BẢN**

**Về việc kết thúc công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2020**

Hôm nay, vào hồi 8h30' ngày 15 tháng 08 năm 2021

Tại Hội trường trụ sở UBND xã Tân Cương, thành phố Thái Nguyên.

UBND xã Tân Cương tiến hành tổ chức kết thúc công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2020 theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách.

**I. Thành phần lập biên bản, gồm**

1. Đ/c Nguyễn Thị Mai Thanh - CT HĐND xã
2. Đ/c Phạm Tiến Sỹ - Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND
3. Đ/c Nguyễn Thị Thùy Linh - P. Chủ tịch UBND - PCT Công đoàn.
4. Đ/c Phạm Đức Tiến - CT Ủy ban MTTQ
5. Đ/c Lê Thị Nhung - Văn phòng thống kê, Thư ký
6. Đ/c Phạm Thị Thu Thủy - CB Tài chính kế toán

**II. Nội dung:**

UBND xã Tân Cương thực hiện kết thúc công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2020 theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách.

Thời gian kết thúc công khai bắt đầu từ 8h45' ngày 15/08/2021

- Trong quá trình công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2020 tại bảng tin (sảnh trụ sở làm việc), UBND xã không tiếp nhận những nội dung phản ánh, kiến nghị về số liệu quyết toán ngân sách năm 2020 của các ban ngành đoàn thể, các xóm.

Biên bản lập xong hồi 9h00' cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**



*Nguyễn Thị Mai Thanh*

**NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN**

*Lê Thị Nhung*

*Lê Thị Nhung*

**TM. ỦY BAN MTTQ**



**ỦY BAN MTTQ XÃ TÂN CƯƠNG  
CHỦ TỊCH  
Phạm Đức Tiến**

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**



**TM. UBND XÃ TÂN CƯƠNG  
CHỦ TỊCH  
TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN  
Phạm Tiến Sỹ**

*Phạm Tiến Sỹ*

*Phạm Thị Thu Thủy*

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ TÂN CƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *106*/QĐ-UBND

Tân Cương, ngày 05 tháng 08 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v công khai quyết toán ngân sách năm 2020 của xã Tân Cương**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN CƯƠNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ vào Nghị quyết số *10*/2021/NQ-HĐND ngày 05/08/2021 của HĐND xã Tân Cương khóa XXVI, nhiệm kỳ 2021-2026 về việc phê chuẩn quyết toán Ngân sách nhà nước xã Tân Cương năm 2020;*

Xét đề nghị của Bộ phận kế toán tài chính xã;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2020 của xã Tân Cương với nội dung cụ thể như sau:

*(Có các biểu kèm theo Quyết định này)*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Văn phòng HĐND&UBND xã, Bộ phận kế toán tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- UBND Thành phố;
- Phòng Tài chính Kế hoạch TP;
- TT Đảng ủy; TT HĐND xã;
- TT UB MTTQ và các ban ngành đoàn thể xã;
- Các xóm trong xã;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



*Phạm Tiến Sỹ*





**QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ**  
(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)  
Năm 2020

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	1	2	3	4	5	6
<b>Tổng số thu</b>	<b>9.431.676.497</b>	<b>9.431.676.497</b>	<b>10.355.302.330</b>	<b>10.042.703.528</b>	<b>109,79</b>	<b>106,48</b>
<b>I. Các khoản thu 100%</b>	<b>50.000.000</b>	<b>50.000.000</b>	<b>362.653.711</b>	<b>362.378.000</b>	<b>725,31</b>	<b>724,76</b>
- Phí, lệ phí	20.000.000	20.000.000	45.303.000	45.303.000	226,52	226,52
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
- Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			13.953.000	13.953.000		
- Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
- Đóng góp của nhân dân theo quy định			271.890.000	271.890.000		
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân			16.232.000	16.232.000		
- Thu khác	30.000.000	30.000.000	15.275.711	15.000.000	50,92	50
<b>II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>534.200.000</b>	<b>534.200.000</b>	<b>1.145.172.122</b>	<b>832.849.031</b>	<b>214,37</b>	<b>155,91</b>
1. Các khoản thu phân chia	107.000.000	107.000.000	204.677.733	204.677.733	191,29	191,29
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	77.000.000	77.000.000	80.030.775	80.030.775	103,94	103,94
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
- Lệ phí trước bạ nhà, đất	30.000.000	30.000.000	124.646.958	124.646.958	415,49	415,49
<b>2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định</b>	<b>427.200.000</b>	<b>427.200.000</b>	<b>940.494.389</b>	<b>628.171.298</b>	<b>220,15</b>	<b>147,04</b>
- Thuế giá trị gia tăng	277.200.000	277.200.000	385.510.000	346.959.004	139,07	125,17
- Cấp quyền khai thác khoáng sản						
- Thu tiền sử dụng đất						
- Thu phí bảo vệ môi trường						
- Thuế thu nhập cá nhân	150.000.000	150.000.000	552.258.089	278.758.624	368,17	185,84
- Thuế thu nhập doanh nghiệp			2.726.300	2.453.670		
<b>III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>						
<b>IV. Thu chuyên nguồn</b>	<b>600.228.785</b>	<b>600.228.785</b>	<b>600.228.785</b>	<b>600.228.785</b>	<b>100</b>	<b>100</b>
<b>V. Thu kết dư ngân sách năm trước</b>	<b>352.534.520</b>	<b>352.534.520</b>	<b>352.534.520</b>	<b>352.534.520</b>	<b>100</b>	<b>100</b>
<b>VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>7.894.713.192</b>	<b>7.894.713.192</b>	<b>7.894.713.192</b>	<b>7.894.713.192</b>	<b>100</b>	<b>100</b>
- Bổ sung cân đối ngân sách	4.103.252.000	4.103.252.000	4.103.252.000	4.103.252.000	100	100
- Bổ sung có mục tiêu	3.791.461.192	3.791.461.192	3.791.461.192	3.791.461.192	100	100



## QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: Đồng

TT	NỘI DUNG	Dự toán			Quyết toán			So sánh (%)		
		Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên	Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên	Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	<b>Tổng chi</b>	<b>9.826.382.223</b>	<b>2.580.065.700</b>	<b>7.246.316.523</b>	<b>9.744.941.911</b>	<b>2.580.065.700</b>	<b>7.164.876.211</b>	<b>99,17</b>	<b>100</b>	<b>98,9</b>
	<b>Trong đó:</b>									
I	Chi đầu tư phát triển	2.580.065.700	2.580.065.700		2.580.065.700	2.580.065.700		100	100	
II	Chi thường xuyên	6.340.248.352	-	6.340.248.352	6.258.808.040		6.258.808.040	98,7155		98,7155
1	Chi công tác DQ tự vệ, an ninh trật tự	908.313.551		908.313.551	724.174.987		724.174.987	79,7		79,7
	- Chi dân quân tự vệ	473.259.904		473.259.904	454.570.437		454.570.437	96,1		96,1
	- Chi an ninh trật tự	435.053.647		435.053.647	269.604.550		269.604.550	62,0		62,0
2	Chi hoạt động TTVH - THCD	82.000.000		82.000.000	78.611.000		78.611.000	95,9		95,9
	- Hoạt động văn hóa thông tin	82.000.000		82.000.000	78.611.000		78.611.000	95,9		95,9
3	Chi hoạt động thể dục thể thao	15.000.000		15.000.000	14.999.917		14.999.917	100,0		100,0
4	Sự nghiệp kinh tế	-		-	-	2.580.065.700	-	0,0		
3	Chi sự nghiệp xã hội	301.242.004		301.242.004	236.969.494		236.969.494	78,7		78,7
	- Hưu xã thời việc và trợ cấp khác	168.885.804		168.885.804	120.242.294		120.242.294	71,2		71,2
	- Già trẻ cô đơn và trợ cấp khác	-		-	-		-			
	- Hoạt động chính sách người có công	74.428.200		74.428.200	38.571.000		38.571.000	51,8		51,8

	Chi khác	57.928.000	59.804.000		78.156.200	0,0	130,7
<b>4</b>	<b>Chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể</b>	<b>5.033.692.797</b>	<b>5.033.692.797</b>	<b>5.204.052.642</b>	<b>5.204.052.642</b>	103,4	<b>103,4</b>
	- Quản lý nhà nước	2.816.082.245	2.816.082.245	3.061.378.038	3.061.378.038	108,7	<b>108,7</b>
	- Hội đồng nhân dân	320.691.280	320.691.280	331.592.050	331.592.050	103,4	<b>103,4</b>
	- Công tác Đảng	1.093.687.000	1.093.687.000	976.360.960	976.360.960	89,3	<b>89,3</b>
	- Mặt trận tổ quốc Việt Nam	261.899.424	261.899.424	257.972.948	257.972.948	98,5	<b>98,5</b>
	- Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	121.915.268	121.915.268	117.244.989	117.244.989	96,2	<b>96,2</b>
	- Hội Liên hiệp Phụ nữ VN	95.758.616	95.758.616	105.652.797	105.652.797	110,3	<b>110,3</b>
	- Hội Nông dân Việt Nam	108.817.760	108.817.760	123.562.476	123.562.476	113,5	<b>113,5</b>
	- Hội Cựu chiến binh VN	107.561.204	107.561.204	127.031.384	127.031.384	118,1	<b>118,1</b>
	- Hội Chữ thập đỏ	21.456.000	21.456.000	21.456.000	21.456.000	100,0	<b>100,0</b>
	- Hội Người cao tuổi	21.456.000	21.456.000	21.456.000	21.456.000	100,0	<b>100,0</b>
	- Các hội đặc thù khác	64.368.000	64.368.000	60.345.000	60.345.000	93,8	<b>93,8</b>
<b>III</b>	<b>Dự phòng</b>	-	-	-	-		
<b>IV</b>	<b>Chi chuyển nguồn sang năm sau</b>	<b>906.068.171</b>	<b>906.068.171</b>	<b>906.068.171</b>	<b>906.068.171</b>		<b>100,0</b>



UBND Xã Tân Cương  
Mã QHNS: 1031949

Mẫu số 119/CKTC-NSNN  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC  
ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính)



**QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN**

Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn  
Năm 2020

Đơn vị tính: đồng

Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12	Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Giá trị đã thanh toán năm		Đơn vị tính: đồng
		Tổng số	Trong đó: Nguồn đóng góp				Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp	
<b>A</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>	<b>7</b>	<b>8</b>	
<b>Công trình chuyển tiếp</b>									
Đường bê tông xi măng xóm Nam Hưng, Nam Tiến, Guộc, Soi Vàng, Y Na xã Tân Cương	2017	3.841.191.584	1.560.754.339	282.778.000	282.778.000	1.686.000.000	236.778.000	46.000.000	
Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc 2 tầng 10 phòng và xây mới nhà để xe, nhà bộ phận một cửa UBND xã Tân Cương	2017	1.995.853.000		200.000.000	200.000.000	1.500.000.000	200.000.000		
Xây dựng nhà hội trường UBND xã Tân Cương TPTN và các công trình phụ trợ	2019	3.987.733.400		1.800.000.000	1.800.000.000	1.400.000.000	1.800.000.000		
Đường bê tông xi măng xóm Đội Cán, xóm Tân Thái, xóm Nam Tân, xóm Nam Tiến, xóm Nam Đồng, xóm Y Na 2 xã Tân Cương	2018	7.822.358.466		535.693.700	535.693.700	4.569.600.000	385.693.700	150.000.000	



Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ xóm Soi Vàng đi Tân Thái xã Tân Cương, TPTN	2019	13.537.000.000		4.400.000.000	4.400.000.000	4.400.000.000	4.400.000.000		
Cải tạo, nâng cấp cầu xóm Nhà Thờ, cầu xóm Hồng Thái 2 xã Tân Cương, TPTN	2019	4.412.000.000		1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000	1.200.000.000		
Đường BTXM xã Tân Cương năm 2019	2020	13.256.000.000		1.806.900.000	1.806.900.000	1.806.900.000	1.806.900.000		
Cải tạo, sửa chữa nhà hiệu bộ, nhà lớp học 2 tầng 10 phòng trường THCS Tân Cương, TPTN	2020	2.100.715.742		450.000.000	450.000.000	450.000.000	450.000.000		
Nhà văn hóa trung tâm xã Tân Cương TP Thái Nguyên	2014	2.912.872.000	582.574.400	191.472.000	191.472.000	191.472.000	1.944.000.000	0	191.472.000
<b>Tổng:</b>		<b>53.865.724.192</b>	<b>2.143.328.739</b>	<b>10.866.843.700</b>	<b>10.866.843.700</b>	<b>10.866.843.700</b>	<b>10.479.371.700</b>	<b>0</b>	<b>387.472.000</b>



UBND XÃ TÂN CƯƠNG

MÃ QHNS: 1031949

Biểu số 116/CKTC-NSNN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 344/2016/TT-BTC

ngày 30/12/ 2016 của Bộ Tài chính)

**CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020**

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)



Đơn vị: Đồng

NỘI DUNG THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
<b>Tổng số thu</b>	<b>10.042.703.528</b>	<b>Tổng số chi</b>	<b>9.744.943.911</b>
<i>I. Các khoản thu xã hưởng 100%</i>	<i>362.378.000</i>	<i>I. Chi đầu tư phát triển</i>	<i>2.580.067.700</i>
<i>II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (%)</i>	<i>832.849.031</i>	<i>II. Chi thường xuyên</i>	<i>7.164.876.211</i>
<i>III. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang ngân sách xã( nếu có)</i>	<i>600.228.785</i>	<i>III. Chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau</i>	<i>906.068.171</i>
<i>IV. Thu kết dư ngân sách năm trước</i>	<i>352.534.520</i>	<i>IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên</i>	
<i>V. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</i>	<i>7.894.713.192</i>		
<i>Bổ sung cân đối ngân sách</i>	<i>4.103.252.000</i>		
<i>Bổ sung có mục tiêu</i>	<i>3.791.461.192</i>		
<i>Kết dư ngân sách</i>	<i>297.761.617</i>		





**BIỂU TỔNG HỢP THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC**

Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn

Năm 2020

Đơn vị tính: đồng

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+)(-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+)(-)
A	1	2	3	4	5	6
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>523.057.376</b>	<b>345.586.532</b>	<b>177.470.844</b>	<b>523.057.376</b>	<b>345.586.532</b>	<b>177.470.844</b>
<b>1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách</b>	<b>288.919.700</b>	<b>150.226.128</b>	<b>138.693.572</b>	<b>288.919.700</b>	<b>150.226.128</b>	<b>138.693.572</b>
+ Quỹ tình nghĩa	126.443.700	67.765.128	58.678.572	126.443.700	67.765.128	58.678.572
+ Quỹ trẻ thơ	27.127.000	14.881.000	12.246.000	27.127.000	14.881.000	12.246.000
+ Quỹ khuyến học	24.755.000	24.630.000	125.000	24.755.000	24.630.000	125.000
+ Quỹ vì người nghèo	47.560.000	14.800.000	32.760.000	47.560.000	14.800.000	32.760.000
+ Quỹ chất độc da cam	22.576.500	6.000.000	16.576.500	22.576.500	6.000.000	16.576.500
+ Quỹ nhân đạo	25.120.000	9.600.000	15.520.000	25.120.000	9.600.000	15.520.000
+ Quỹ người cao tuổi	15.337.500	12.550.000	2.787.500	15.337.500	12.550.000	2.787.500
<b>2. Các hoạt động sự nghiệp</b>	<b>64.753.400</b>	<b>32.400.000</b>	<b>32.353.400</b>	<b>64.753.400</b>	<b>32.400.000</b>	<b>32.353.400</b>
+ Chợ	64.753.400	32.400.000	32.353.400	64.753.400	32.400.000	32.353.400
<b>3. Các khoản thu hộ chi hộ</b>	<b>169.384.276</b>	<b>162.960.404</b>	<b>6.423.872</b>	<b>169.384.276</b>	<b>162.960.404</b>	<b>6.423.872</b>
+ công đoàn	18.910.000	15.062.000	3.848.000	18.910.000	15.062.000	3.848.000
+ Quỹ Phòng chống Thiên tai	12.000.000	12.000.000		12.000.000	12.000.000	
+ Thù lao UNT thuế	6.268.200	6.268.200		6.268.200	6.268.200	
+ Hoa hồng BHYT	103.266.076	100.690.204	2.575.872	103.266.076	100.690.204	2.575.872
+ Trung tâm học tập cộng đồng	28.940.000	28.940.000		28.940.000	28.940.000	